TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Việt
Các Hội thẩm nhân dân: -Ông Trần Trọng Vũ
-Ông Bùi Phương Châu

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Đoàn Ngọc Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn-Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1973
Trú tại: phường E, quận T, thành phố Hồ Chí Minh
Bà H ủy quyền cho anh Võ Thanh D, sinh năm 1992, ngụ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt)

*2.<u>Bị đơn</u>**:** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1956 (vắng mặt)
Trú tại: : ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của nguyên đơn và người được nguyên đơn ủy quyền, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Trước đây (trước ngày 29/7/2019), ông Phạm Văn H có gọi điện cho bà Nguyễn Kim H để hỏi vay bà H tổng số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,833%/tháng, thời hạn là 02 tháng. Do quen biết với ông H từ trước nên bà H đã cho ông H vay số tiền này, cụ thể bà H đã thực hiện việc chuyển khoản đủ số tiền là 100.000.000 đồng cho ông H thông qua số tài khoản của ông H mở tại Ngân hàng A (BIDV)-chi nhánh tỉnh Bến Tre, số tài khoản: 72110000890446.

Sau khi vay tiền, ông H có hứa 02 tháng sau sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho bà H. Đúng 02 tháng sau, bà H đã điện thoại để nhắc ông H hoàn trả lại cho

bà toàn bộ số tiền đã vay và ông H đã hẹn với bà H thêm vài ngày sau sẽ trả. Nhưng vài ngày sau đó, ông H vẫn không trả lại tiền cho bà H như đã hứa nên bà H xuống tận nhà ông H tại Bến Tre để đòi lại số tiền mà bà H đã cho ông H vay. Sau đó, vào ngày 27/12/2019, ông H viết giấy vay tiền cho bà H với nội dung là ông H có mượn của bà H số tiền 100.000.000 đồng thời hạn 03 tháng sẽ trả hết số tiền này (tức là đến 27/3/2020), nếu ông H có tiền ông sẽ hoàn trả trước tết…Tuy nhiên, đã hết thời gian như ông H đã cam kết (là ngày 27/3/2020) nhưng ông H vẫn không trả lại tiền gốc và lãi cho bà H.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông H pH trả cho bà số tiền là 100.000.000 đồng, bà H yêu cầu tính lãi của số tiền này từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án, tạm tính đến ngày 15/11/2021 với mức lãi suất 0,833%/tháng x 27 tháng =22.491.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn H được triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về người tham gia tố tụng trong vụ án: nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo sự triệu tập của tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H trả cho bà H số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả với số tiền nguyên đơn yêu cầu là 20.650.000 đồng; nguyên đơn không yêu cầu vợ ông H cùng liên đới trả tiền nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

-Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Kim H khởi kiện ông Phạm Văn H về việc yêu cầu ông H trả cho bà H số tiền vay là 100.000.000 đồng và lãi suất nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Kim H đối với bị đơn ông Phạm Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn ông Phạm Văn H dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên tòa án xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H trả cho bà H số tiền vay còn thiếu là 100.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án theo mức lãi suất là 0,833%/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ông H trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, về lãi suất thì phía nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H có trách nhiệm trả lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 28/3/2020 đến ngày xét xử là 24 tháng 24 ngày theo mức quy định

0,833%/tháng với số tiền là 20.650.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu ông H trả là 120.650.000 đồng.

Chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tờ giấy mượn tiền ngày 27/12/2019 của ông Phạm Văn H và các chứng từ giao dịch về chuyển khoản của bà H cho ông H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa bà Nguyễn Kim H và ông Phạm Văn H có giao dịch về vay tiền với nhau, vay nhiều lần qua việc chuyển khoản và có viết giấy nợ. Theo phía nguyên đơn trình bày thì việc vay giữa hai bên là vay có lãi suất, mặc dù tờ giấy tay không ghi về mức lãi suất nhưng theo nguyên đơn xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận là chỉ theo mức lãi suất quy định của nhà nước (0,833%/tháng).

Theo nguyên đơn thì tổng số tiền gốc bà H cho ông H vay là 100.000.000 đồng, thông qua các chứng từ giao dịch chuyển khoản của bà H qua tài khoản ngân hàng của ông H, sau đó ông H có viết lại giấy nợ cho bà H vào ngày 27/12/2019 có chữ ký và chữ viết tên của ông H.

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Mặc dù tờ giấy tay có tên là giấy mượn tiền ngày 27/12/2019 không có người làm chứng, không được công chứng hoặc chứng thực tuy nhiên tờ giấy tay thể hiện đầy đủ các nội dung của giao dịch vay tiền như: người cho vay, người vay, số tiền, thời hạn vay, thời hạn trả...

Ông Phạm Văn H được tòa triệu tập hợp lệ tại địa chỉ nơi cư trú và tống đạt đầy đủ về thông báo thụ lý cũng như chứng cứ của nguyên đơn nhưng ông không đến tòa nên tòa không xem xét được lời trình bày của ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại Ngân hàng A(BIDV) chi nhánh Bến Tre, đồng thời phía nguyên đơn nộp bổ sung chứng cứ xác nhận giao dịch tại Ngân hàng B (Techcombank) cho thấy: các giao dịch chuyển khoản mà bà H cung cấp về chuyển cho ông H đều khớp với việc xác nhận từ phía các ngân hàng và tổng số tiền chuyển khoản của bà H cho ông H là 100.000.000 đồng phù hợp với số tiền nguyên đơn trình bày cũng phù hợp số tiền của tờ giấy tay do ông H ký. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông H có vay của bà H 100.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tuy trong tờ giấy tay ghi là giấy mượn tiền nhưng nguyên đơn xác định đây là giao dịch vay có lãi, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất 0,833%/tháng. Phía nguyên đơn cũng cho rằng ông H chưa trả số tiền lãi nào cho bà H. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H trả về lãi suất của việc chậm thanh toán từ ngày 28/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,833%/tháng.

Thấy rằng: Theo tờ giấy mượn tiền có ghi thời hạn cuối cùng ông H trả tất nợ cho bà H là ngày 27/3/2020, như vậy thời điểm tính việc vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán của ông H từ ngày 28/3/2020 là phù hợp, đến ngày xét xử là 24 tháng 24 ngày, mức lãi 0,833%/tháng tính ra được số tiền là 20.664.000 đồng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông H trả số tiền lãi chậm thanh toán cho bà H là 20.650.000 đồng là phù hợp theo quy định. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho là 120.650.000 đồng (trong đó tiền vốn là 100.000.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 20.650.000 đồng), yêu cầu này có căn cứ nên được chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu vợ ông H cùng liên đới trả nợ cùng ông H nên ghi nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]Về án phí: bị đơn pH chịu án phí về số tiền pH trả nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn ông Phạm Văn H là người cao tuổi nên không pH chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H đối với bị đơn ông Phạm Văn H về việc kiện đòi số tiền nợ vay và lãi suất chậm thanh toán.

Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim H tổng số tiền 120.650.000đ (một trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó vốn là 100.000.000 đồng, lãi chậm thanh toán 20.650.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa thi hành xong số tiền trên thì ông H pH chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn ông Phạm Văn H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả lại toàn bộ tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Kim H số tiền 3.062.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001254 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

*** Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Dương Bích Việt